

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DSST

Ngày: 11/01/2019

*“V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Vệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11-01-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 499/2018/TLST - DS ngày 21/8/2018, về vụ án *“Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 320/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2018/QĐST-DS ngày 25-12-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: số 381, đường Bà Huyện Thanh Q, tổ 8, ấp Hòa L, xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S là bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 33, 35 Lê Văn T, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 23, đường Nguyễn Long X, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 23, đường Nguyễn Long X, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Hồng D ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 23, đường Nguyễn Long X, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 11-01-2019).

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 25-5-2015, bà S có cho anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Hồng D vay số tiền 170.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận không tính lãi. Thời gian vay đến tháng 10 năm 2015 trả. Nhưng đến ngày 30/8/2017, anh N và chị H có trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và đến nay anh N và chị D không trả thêm số tiền nào, cũng không có nhận tiền của vợ chồng anh N gửi cho ai trả dùm. Nay bà yêu cầu anh N và chị D trả cho bà số tiền vốn còn nợ lại 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày 26/7/2018 là 12.627.000 đồng, mức lãi suất 0,83%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 152.627.000 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho bà Ngô Thị Kim X yêu cầu anh N và chị D trả cho bà số tiền vốn còn nợ lại 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng và yêu cầu trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 170.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn nhưng trong quá trình vay mẹ vợ của anh là bà Nguyễn Thị H1 có cho mượn tiền để trả cho bà S số tiền 30.000.000 đồng theo như lời trình bày của bà S. Ngoài ra, từ tháng 4-2015 đến tháng 9-2015 vợ anh Nguyễn Thị Hồng D có trả góp cho bà S 6 lần vào ngày 18 tây hàng tháng được 18.000.000 đồng do chị Thu con bà S là người trực tiếp nhận tiền, việc giao tiền không có làm biên nhận. Ngoài ra, chị D có trả cho bà S 4 lần tổng cộng 44.580.000 đồng. Trả 4 lần cụ thể như sau: Lần 1 trả trong ngày 2/7/2015 tổng cộng số tiền 10.000.000 đồng (sáng trả 3.000.000 đồng, chiều trả 7.000.000 đồng), đưa trực tiếp cho dì 4 (không biết họ tên) nhận do bà S kêu anh đưa tại tiệm Thuận Hiệp (không rõ họ tên chỉ biết là bạn của bà S), trả tiền không ký nhận; lần thứ 2 vào tháng 8/2015 vợ anh đưa 9.790.000 đồng cho chị M trực tiếp nhận (chị M con của dì 4 chủ tiệm Thuận Hiệp), khi nhận tiền chị M có ghi chữ ® có khoanh tròn trong sổ của vợ anh; Lần 3 vợ anh đưa cho anh T giao tiền tại tiệm Thuận Hiệp số tiền 6.790.000 đồng, người nhận có ký tên Đ. Đến nay, vợ chồng anh đã cho bà S tổng cộng 74.580.000 đồng, chỉ còn nợ lại bà S số tiền 95.420.000 đồng. Đối với phần tiền lãi thì vợ chồng anh không đồng ý trả tiền lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của chồng chị là anh Nguyễn Văn N, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn N cùng được sự ủy quyền của Nguyễn Thị Hồng D chỉ đồng ý trả số vốn còn thiếu là 95.420.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì không có khả năng.

- Về tài liệu chứng cứ các bên cung cấp và thống nhất: 01 giấy CMND + 01 sổ hộ khẩu (bản sao – chứng thực); 01 biên nhận ngày 25/5/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

- Xét thấy: Số tiền vay ban đầu là 170.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25-5-2015 bị đơn thừa nhận có vay số tiền này. Trong quá trình vay nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền bị đơn đã trả 30.000.000 đồng, ngoài ra không nhận bất kỳ khoản tiền trả nợ nào khác từ vợ chồng anh N, cũng không có nhận tiền của vợ chồng anh N gửi cho ai trả dùm. Về phía vợ chồng anh N không cung cấp được chứng cứ đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền khác. Do đó, xác định tiền vốn vay gốc vợ chồng anh N còn thiếu bà S là 140.000.000 đồng.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị S ủy quyền cho bà Ngô Thị Kim X yêu cầu anh N và chị D trả số tiền vay còn thiếu 140.000.000 đồng là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

+ Về phần lãi suất: Theo biên nhận ngày 25-5-2015 hai bên không thỏa thuận lãi suất chỉ thỏa thuận miệng đến tháng 10-2015 sẽ trả lại nhưng đến ngày 30-8-2017 anh N, chị D mới trả được 30.000.000 đồng thì không trả nữa nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30-8-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2019) với mức lãi suất 0,83%/ tháng (lãi suất áp dụng theo Bộ luật dân sự 2005) là có căn cứ để chấp nhận. Lãi được tính như sau:

Từ ngày 30-8-2017 đến ngày 11-01-2019 là 16,3 tháng, tiền lãi là: 140.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 16,3 tháng = 18.940.000 đồng.

Như vậy tổng cộng vốn và lãi mà anh N, chị D phải trả cho bà S là: 140.000.000 đồng + 18.940.000 đồng = 158.940.000 đồng.

+ Đối với việc anh N, chị D khai nại có trả được nhiều lần với số tiền 62.580.000 đồng tiền vốn cho bà S nên không đồng ý trả theo yêu cầu của

nguyên đơn, cũng như không đồng ý trả lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy, anh N, chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ của mình. Mặt khác, Tòa án đã thông báo yêu cầu anh N, chị D cung cấp chứng cứ để anh N, chị D thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình nhưng anh N, chị D vẫn không thực hiện. Đồng thời, nguyên đơn cũng không thừa nhận có nhận các khoản tiền này. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của anh N và anh N, chị D phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là mới phù hợp.

[4] Đối với các khoản tiền anh N, chị D gửi trả cho những người trung gian để trả cho bà S nhưng bà S không thừa nhận, anh cũng không yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do đó, nếu anh N, chị D có căn cứ chứng minh có giao tiền cho những người này thì được quyền khởi kiện yêu cầu những người này trả tiền bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[5] Về lãi suất chậm trả:

Tại phiên tòa hai bên không thống nhất được lãi suất chậm trả nên tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ Thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và bị đơn Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị Hồng D phải chịu toàn bộ án phí như sau: 7.947.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Hồng D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay còn thiếu là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 18.940.000 đồng. Tổng cộng là 158.940.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu chín trăm bốn chục ngàn đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định

thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.816.000 đồng theo biên lai số 0001952 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị Hồng D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.947.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Phạm Minh Tùng